

# Giải thích về xét nghiệm hơi thở urê (Xét nghiệm vi khuẩn Helicobacter Pylori)/Explanation of Urea Breath Test (Test for Helicobacter Pylori) /尿素呼気試験の説明 (ヘリコバクター・ピロリ菌の検査)

Helicobacter pylori (H. pylori) là vi khuẩn/trực khuẩn gram âm. Con đường lây truyền của H. pylori vẫn chưa được biết rõ. Sự lây truyền qua đường miệng đã được thừa nhận khi và ở nơi vệ sinh kém. Nhiễm trùng chủ yếu mắc phải trong thời thơ ấu khi hệ thống miễn dịch chưa được phát triển đầy đủ.

Bệnh nhân bị loét dạ dày hoặc loét tá tràng sẽ hiếm khi bị loét tái phát sau khi điều trị triệt trừ H.pylori. Một trong mười (10%) người nhiễm H. pylori có nguy cơ phát triển ung thư dạ dày trong đời. Nhiễm H.pylori có liên quan chặt chẽ với nguy cơ ung thư dạ dày nên việc điều trị sớm triệt trừ H.pylori có tác dụng ngăn ngừa ung thư dạ dày.

Xét nghiệm urê trong hơi thở là một trong những xét nghiệm chẩn đoán nhiễm trùng do H. pylori. Bạn sẽ được yêu cầu nuốt một loại thuốc thử nghiệm có chứa urê và mẫu hơi thở thở ra sẽ được thu thập trước và sau khi dùng thuốc thử nghiệm để phát hiện xem bạn có bị nhiễm H. pylori hay không.

Bạn có thể không thực hiện được xét nghiệm hơi thở urê trong một số điều kiện nhất định.

Hãy trả lời những câu hỏi sau đây.

/Helicobacter pylori (H. pylori) are gram-negative bacteria/bacilli. The route of H. pylori transmission is still unknown. Oral transmission has been postulated when and where hygiene is poor. The infection is acquired mostly during childhood when the immune system is not fully developed.

Patients with gastric ulcers or duodenal ulcers will rarely experience the recurrence of ulcers after the eradication of H. pylori. One out of ten (10%) H. pylori-infected people have a risk of developing gastric cancer in his/her lifetime. H. pylori infection is strongly associated with gastric cancer risk, therefore the early eradication of H. pylori is effective in preventing gastric cancer.

A urea breath test is one of the tests for diagnosing the infection due to H. pylori. You will be asked to swallow a test drug that contains urea, and samples of exhaled breath will be collected before and after taking the test drug to detect whether or not you are infected with H. pylori.

You may not be able to have the urea breath test under certain conditions.

Please answer the following questions.

/ピロリ菌はグラム陰性桿菌に属する細菌です。感染経路はまだ不明ですが、衛生環境が整備されていない時代や地域などでの経口感染によると考えられています。免疫機能が十分に発達していない幼児期に感染することがほとんどです。

胃潰瘍や十二指腸潰瘍の患者さんにとって、ピロリ菌の除菌後にはほとんど潰瘍の再発が起こらなくなります。また、生涯のうちで胃がんを起こす危険性があるのは、ピロリ菌感染者の 10 人に 1 人（1 割）で、胃がんとピロリ菌の感染には密接な関連性があり、出来るだけ早い時期に除菌をすることが胃がん予防に効果的です。

ピロリ菌感染の有無を調べる方法の一つが尿素呼気試験です。尿素呼気試験は、尿素を含んだ検査薬を内服し、その前後で採取したあなたの呼気を調べることであなたがピロリ菌に感染しているか否か調べます。

しかし状況により、尿素呼気試験が受けられない場合があります。

以下の質問にお答えください。

• **Bạn đã bao giờ xét nghiệm vi khuẩn Helicobacter pylori chưa?**

/Have you ever been tested for Helicobacter pylori? /ヘリコバクターピロリ菌の検査を行ったことがある。

Không /No/ いいえ

Có/Yes/はい ( Năm /Year/年 Tháng /Month/月)

• **Bạn đã bao giờ điều trị tiệt trừ Helicobacter pylori chưa?**

/Have you ever had a Helicobacter pylori eradication therapy?

/ヘリコバクターピロリ菌の除菌を行ったことがある。

Không /No/ いいえ

Có/Yes/はい ( Năm /Year/年 Tháng /Month/月)

• **Bạn đã từng phẫu thuật cắt dạ dày chưa? /Have you ever had a gastrectomy?/胃切除術を受けた**

Không /No/ いいえ

Có/Yes/はい

• **Bạn có dùng thuốc điều trị loét dạ dày hoặc kháng sinh trong 4 tuần qua không?**

/Have you taken gastric ulcer medication or antibiotics in the past four weeks?

/直近の4週間以内に胃潰瘍治療薬や抗生物質を服用した。

Không /No/ いいえ

Có/Yes/はい Tên thuốc /Name of medication(s)/使用した薬剤名 ( )

• **Bạn đang mang thai hoặc cho con bú?/Are you pregnant or nursing?/妊娠中または授乳中である。**

Không /No/ いいえ

Có/Yes/はい

**Các biện pháp phòng ngừa cho bài kiểm tra /Precautions for the test/検査注意事項**

1. Kiểm tra hơi thở urê nên được thực hiện khi bụng đói. Bạn không được ăn sáng nếu thi vào buổi sáng và không ăn trưa nếu thi vào buổi chiều./A urea breath test should be performed on an empty stomach. You must not eat breakfast if the test is scheduled in the morning, and not eat lunch if the test is in the afternoon.

/空腹時に行う検査のため、検査が午前の場合は当日の朝食を、午後の場合は昼食を摂らないでください。

2. Một số loại thực phẩm cản trở việc nhận được kết quả xét nghiệm chính xác; bạn nên tránh ăn ngô, thịt lợn, thịt gà và trứng trong vài giờ trước khi xét nghiệm.

/Certain foods interfere with getting accurate results from the test; you should avoid corn, pork, chicken and eggs for a few hours before the test.

/食事内容が検査結果に影響を与えるため、検査数時間前の食事ではトウモロコシ・豚肉・鶏肉・卵は摂らないでください。

3. Không hút thuốc ít nhất 30 phút trước khi làm bài kiểm tra.

/Do not smoke for at least 30 minutes prior to taking the test.

/検査前30分は禁煙してください。

**Quy trình kiểm tra /Procedure of the test/検査の説明**

1. Thu thập hơi thở của bạn trước khi dùng chất thử./Collect your breath before taking the test agent.

/まず、薬を服用する前の呼気を採取します。

Ngậm túi lấy hơi thở vào miệng, hít vào bằng mũi và giữ trong 5 đến 10 giây. Sau đó thở ra từ từ vào túi thu hơi thở như thể bạn đang thở ra không khí từ phổi. Nếu cảm thấy khó nín thở, bạn có thể thở ra vào túi 2 đến 3 lần. Đừng thở sâu.

/Hold a breath collection bag in your mouth, and breathe in through your nose and hold it for 5 to 10 seconds. Then exhale into the breath collection bag slowly as if you are breathing out the air from your lungs. If it is difficult for you to

hold your breath, you can exhale 2 to 3 times into the bag. Do not breathe in deeply.

/呼吸採取バッグを口にくわえ、鼻から息を吸って 5~10 秒程度息を止めます。その後、ゆっくりと息を呼気採取バッグに入れます。肺の中にある息を吐き出すような気持ちで息を吹き込んでください。息止めが苦しい場合は 2-3 回に分けて息をバッグに入れても大丈夫です。深呼吸はしてはいけません。

2. Nuốt chất thử / Swallow the test agent. /次に検査薬を服用します。

Nuốt chất thử (một viên) với 100 mL nước trong vòng 5 giây mà không cần nghiền nát hoặc nhai.

/Swallow the test agent (one tablet) with 100 mL of water within five seconds without crushing or chewing it.

/検査薬 1 錠を、潰さずに、水 100mL で、5 秒以内に飲み込みます。

3. Trong quá trình kiểm tra /During the examination/検査中

1) Bạn sẽ được yêu cầu nằm nghiêng về bên trái ngay sau khi dùng thuốc thử. Giữ vị trí này trong 5 phút.

/You will be asked to lie on your left side soon after taking the test drug. Hold this position for 5 minutes.

/飲んだら直ぐに体の左側を下にして横になります。この体勢で 5 分間過ごします。

2) Sau đó giữ tư thế ngồi trong 15 phút.

/Then hold a seated position for 15 minutes.

/その次の 15 分間は座った姿勢になります。

4. Thu thập hơi thở của bạn sau khi dùng chất thử nghiệm./Collect your breath after taking the test agent.

/検査薬服用後の呼気を採取します。

Thở ra một túi lấy hơi thở khác sau khi uống thuốc thử 20 phút.

Ngậm túi lấy hơi thở trong miệng, hít vào bằng mũi và giữ trong 5 đến 10 giây. Thở ra từ từ vào túi thu hơi thở như thể bạn đang thở ra không khí từ phổi. Nếu cảm thấy khó nín thở, bạn có thể thở ra vào túi 2 đến 3 lần. Đùng thở sâu.

/Exhale into another breath collection bag 20 minutes after taking the test drug.

Hold the breath collection bag in your mouth, and breathe in through your nose and hold it for 5 to 10 seconds. Exhale into the breath collection bag slowly as if you are breathing out the air from your lungs. If it is difficult for you to hold your breath, you can exhale 2 to 3 times into the bag. Do not breathe in deeply.

/検査薬を服用して 20 分が経ったところで、もう一つの呼気採取バッグに呼気を採取します。

呼気採取バッグを口にくわえ、鼻から息を吸って 5~10 秒程度息を止めます。その後、ゆっくりと息を呼気採取バッグに入れます。肺の中にある息を吐き出すような気持ちで息を吹き込んでください。息止めが苦しい場合は 2-3 回に分けて息をバッグに入れても大丈夫です。深呼吸はしてはいけません。

Bài kiểm tra đã kết thúc./The test is over. /これで検査は終了です。お疲れ様でした。